

Số 79/2024/QĐ-PT

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Việt Hà.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2024/QĐST-HC ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã căn cứ khoản 5 Điều 38, Điều 143 và Điều 144 Luật tố tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Dương Văn H, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Địa chỉ: đường N, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: đường N, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Tại đơn kháng cáo ngày 06/5/2024, người khởi kiện ông Dương Văn H không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2024/QĐST-HC ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

XÉT THẤY:

Ông Dương Văn H khởi kiện Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên và yêu cầu hủy Phụ lục của Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 12/8/2005 của UBND thành phố T.

Lý do ông H yêu cầu hủy Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Phụ lục của Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 12/8/2005 của UBND thành phố T theo ông H trình bày:

Ngày 24/12/1994, UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là Dương Văn H thửa số 241, tờ bản đồ số 1, diện tích 838m², loại đất thổ cư tại Tổ 12 (cũ, sau đó là Tổ 4), phường T, thành phố T. Nguồn gốc đất do gia đình ông nhận chuyển nhượng từ năm 1988 của gia đình bà Trần Thị X. Ngay sau khi mua bán xong, gia đình ông đã làm nhà ở và công trình phụ trên đất này. Đến ngày 21/4/1991 gia đình ông mới làm đơn xin nhượng nhà và hoa màu. Gia đình ông sinh sống ổn định trên diện tích đất này không tranh chấp với ai.

Trước năm 2005 UBND thành phố T đã có kế hoạch xây dựng kè chống lũ, bảo vệ chính trang bờ sông C nên không ai được làm thay đổi về quyền sử dụng đất, không được mua bán tặng cho...

Ngày 12/8/2005, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2479/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông. Diện tích đất bị thu hồi là 266,25m², thửa 241, tờ bản đồ số 1. Kèm theo Quyết định này là Phụ lục. Tuy nhiên gia đình ông chỉ nhận được quyết định nhưng không có Phụ lục kèm theo, chính vì lẽ đó mà khi nhận được quyết định này không thể hiện loại đất gì nên ông đã điền luôn vào trong quyết định này với nội dung "đất gì". Sau đó chỉ tính tiền bồi thường cho gia đình ông diện tích đất ở là 53,25m² và ông đã nhận số tiền của diện tích đất ở này. Diện tích 213m² còn lại cũng là đất ở thổ cư nhưng chỉ bồi thường là đất nông nghiệp nên cho đến nay gia đình ông cương quyết không nhận tiền và không chấp nhận.

Lúc đó là B giải phóng mặt bằng và UBND phường T liên tục yêu cầu gia đình ông nhận tiền bồi thường là đất nông nghiệp nhưng ông không nhất trí vì theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố T cấp cho ông là đất thổ cư và hồ sơ cấp đất của gia đình ông cũng là đất thổ cư, gia đình ông đóng thuế đất ở từ khi được cấp giấy chứng nhận cho đến khi thu hồi đất.

Năm 2021, ông khởi kiện tại Tòa án nhân thành phố T để yêu cầu UBND thành phố T bồi thường cho ông là đất ở với diện tích đất thu hồi là 213m².

Tại phiên tòa xét xử ngày 18/4/2023 ông mới được biết Quyết định số 1226 ngày 15/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với gia đình ông và tính giá trị là đất nông nghiệp. Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 nhưng không giao cho gia đình ông và gia đình ông không ai được biết, được nhận quyết định này.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên bị hủy do xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên vụ án được chuyển thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tuy nhiên, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được, xem xét về thời điểm ông H biết các quyết định hành chính bị kiện, thấy rằng:

- Tại Bản cam kết về việc thực hiện nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đề ngày 05/7/2006, đại diện gia đình là ông Dương Văn H có cam kết: *"...Thực hiện Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên.... Gia đình tôi xin cam kết sau khi nhận đủ số tiền bồi thường và hỗ trợ có trách nhiệm bàn giao mặt bằng, các giấy tờ liên quan cho Ban bồi thường GPMB..."*

- Tại Giấy mời nhận tiền lần 2 ngày 25/10/2007 của Ban bồi thường GPMB có nội dung: *"Chi trả tiền bồi thường GPMB theo Quyết định phê duyệt số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên... thành phần: Ban bồi thường GPMB TPTN, UBND phường T, Tổ trưởng Tổ dân phố số 4 và hộ ông Dương Văn H..."*; Ngày 26/10/2007, tại Biên bản làm việc về việc mời hộ ông Dương Văn H tổ 4, phường T, thành phố T đến nhận tiền bồi thường dự án kè chống lũ, chỉnh trang bảo vệ bờ sông C ngày 26/10/2007 (lần 2), ông Dương Văn H có đến UBND phường T nhưng chưa nhất trí nhận tiền (phần đất nông nghiệp) theo Quyết định số 1226 với lý do: *"chưa nhất trí với phần phê duyệt đất nông nghiệp tại Quyết định 1226..."*.

- Tại Giấy mời nhận tiền lần 3 đề ngày 06/11/2007 của Ban bồi thường GPMB có nội dung: *"Chi trả tiền bồi thường GPMB theo Quyết định phê duyệt số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên... thành phần: Ban bồi thường GPMB TPTN, UBND phường T, Tổ trưởng Tổ dân phố số 4 và hộ ông Dương Văn H..."*. Đến ngày 07/11/2007 tại Biên bản làm việc về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB (lần 3), ông H có mặt và chưa nhất trí nhận tiền bồi thường.

- Tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên có mặt người đại diện theo ủy quyền của ông H là bà Nguyễn Thị Thanh N, Thẩm phán đã tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ do người bị kiện UBND thành phố T cung cấp có Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 15/6/2006 của UBND thành phố T.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 07/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên có mặt người đại diện theo ủy quyền của ông H là bà Nguyễn Thị Thanh N, bị đơn UBND thành phố T đã trình bày ý kiến: *"3. Về quá trình thực hiện công tác bồi thường, GPMB: ... Ngày 15/6/2006, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1226/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 2 dự án kè chống lũ bảo vệ chỉnh trang bờ sông C..."*.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, từ ngày 05/7/2006 ông H đã biết Quyết định số 1226 ngày 15/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 2) dự án kè chống lũ bảo vệ, chỉnh trang bờ sông C địa phận phường T, thành phố T.

Ông Dương Văn H trình bày rằng ông không được nhận phần Phụ lục của Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 12/8/2005 của UBND thành phố T, tuy nhiên về bản chất ông đã biết được diện tích đất 266,25m² bị thu hồi có 53,25m² đất thổ cư và 213m² đất nông nghiệp, vì vậy ông mới chưa nhất trí nhận tiền bồi thường diện tích 213m².

Đến ngày 21/7/2023, ông Dương Văn H mới khởi kiện vụ án hành chính là đã quá thời hạn 01 năm và hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã căn cứ khoản 5 Điều 38, Điều 143, Điều 144 Luật tố tụng hành chính, ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2024/QĐST-HC ngày 17/4/2024 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện ông Dương Văn H kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 5 Điều 243 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2024/QĐST-HC ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí: Ông Dương Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Văn H; Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2024/QĐST-HC ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Dương Văn H.
3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phạm Việt Hà